

CHUYÊN ĐỀ 12

TRẬT TỰ CỦA TÍNH TỪ - THE ORDERS OF THE ADJECTIVES

I. Quy tắc

Khi dùng từ hai tính từ trở lên để miêu tả cho một danh từ, nếu các tính từ cùng loại thì ta phân cách chúng bằng dấu phẩy, còn nếu khác loại thì ta xếp chúng cạnh nhau.

Trật tự các tính từ được quy định theo thứ tự sau:

OSASCOMP

Opinion - Size - Age - Shape - Color - Origin - Material - Purpose

Trong đó:

1. Từ nhận xét (**Opinion**): Useful (hữu ích), beautiful (đẹp), interesting (thú vị), lovely (đáng yêu), delicious (ngon miệng), handsome (đẹp trai), glorious (lộng lẫy), luxurious (sang trọng)
2. Kích cỡ (**Size**): big (to), small (nhỏ), large (lớn), huge (khổng lồ), tiny (bé xíu), long (dài), short (ngắn), tall (cao)...
3. Tuổi thọ (**Age**): old (già, cũ), young (trẻ), new (mới), brand-new (mới toanh), ancient (cổ đại), modern (hiện đại),...
4. Hình dáng (**Shape**): round (tròn), triangle (tam giác), cubic (hình hộp), heart-shaped (hình trái tim), flat (bằng phẳng), square (hình vuông)...
5. Màu sắc (**Color**): black (đen), red (đỏ), white (trắng), blue (xanh), yellow (vàng), cream (màu kem), violet (tím), purple (đỏ tía), navy blue (xanh hải quân), magenta (hồng thắm), brick red (đỏ gạch), emerald (xanh ngọc), jet black (đen nhánh),...
6. Nguồn gốc (**Origin**): Vietnamese, English, Indian, Thai, German, American,...
7. Chất liệu (**Material**): Silk (lụa), gold (vàng), silver (bạc), wooden (gỗ), metal (kim loại), plastic (nhựa), leather (da), glass (thủy tinh), concrete (bê tông), ivory (ngà)...
8. Mục đích (**Purpose**): sitting, sleeping, wedding, waiting...

Ví dụ:

A beautiful old Indian lamp. (Một chiếc đèn Ấn Độ cổ tuyệt đẹp.)

A luxurious big new red Japanese car. (Một chiếc ô tô Nhật Bản to mới màu đỏ sang trọng.)

II. Bài tập áp dụng

Exercise 1: sắp xếp theo đúng trật tự tính từ

1. My sister lives in a (new/ nice/wooden/ black) house.
2. We are happy today because today is a (memorable/ training/ long) day.
3. My colleague has a (white/ Korean/ small/ old) car.
4. My friend and I often go home on (shopping/ new/ narrow/ crowded) street.
5. Mrs. Navy likes wearing a (red/ long/ lovely/ cotton) dress on special occasions.
6. The flower girl wore a (silk pretty white) dress at the wedding ceremony last night
7. She has (blue/ big/ glassy) eyes, so she is really different from others.
8. The little boy is wearing a (nice/ old/ blue/ big) pullover.
9. My grandparents live in a (magnificent/ two-storey/ spacious/ old) house during their lifetime.
10. My mother often wears a pair of (small/ comfortable/ black/ leather/ Chinese) gloves when she washes the dishes.

11. Mike loves watching (old/ American/ successful) films in his free time.
12. She has a (pretty/ happy/ oval) face, so she is quite beautiful.
13. In the kitchen is a (round/ large/ wooden/ beautiful) table.
14. My friend bought a (brown/ nice/ leather/ Chanel) belt from a shop on Tran Phu street.
15. Mrs. Annie looks so graceful because she has (black/ long/ beautiful) hair.
16. Her father spent money on (interesting/ Vietnamese/ oil/ old) paintings.
17. We bought some (German/ lovely/ old) glasses.
18. My teacher is a (Japanese/ tall/ kind/ middle-aged) man, so a lot of students love him.
19. We usually throw trash into (plastic/ black/ small/ convenient) bags.
20. My father wore a (cotton/ white/ new/ collarless) shirt to my cousin's wedding.

Exercise 2: Chọn phương án đúng

1. They take their_____children to the park every day.
A. lovely African small young
C. small young lovely African
B. African small young lovely
D. young lovely African small
2. At first sight I met her. I was impressed with her_____.
A. big beautiful round black eyes
C. beautiful big round black eyes
B. beautiful black big round eyes
D. beautiful round big black eyes
3. This is a picture of a_____bus.
A. red bright London
C. London bright red
B. bright red London
D. London red bright
4. Lara goes to a_____temple every week.
A. great big ancient Buddhist
C. ancient great big Buddhist
B. Buddhist great big ancient
D. big great ancient Buddhist
5. There are some_____pictures in this newspaper.
A. white interesting computer-generated new
B. computer-generated white interesting new
C. interesting new white computer-generated
D. new interesting computer-generated white
6. She is doing extremely well in her_____graduate course.
A. intensive one -year English
B. one -year English intensive
C. intensive English one-year
D. English intensive one-year
7. During the winter I like having a_____house.
A. pretty small red wooden
C. small pretty red wooden
B. wooden pretty small red
D. red wooden pretty small
8. I would like to have_____sports shoes to run in the park.
A. grey medium leather comfortable
C. comfortable leather grey medium
B. comfortable medium grey leather
D. medium leather comfortable grey

9. They say he's a _____ student for his age.
 A. tall mature brilliant
 B. mature brilliant tall
 C. brilliant tall mature
 D. tall brilliant mature
10. The speaker is a _____ professor.
 A. old short Spanish kind
 B. kind short old Spanish
 C. Spanish kind old short
 D. kind Spanish short old
11. My sister lives in a _____ apartment.
 A. nice wooden new
 B. new nice wooden
 C. nice new wooden
 D. wooden nice new
12. My cousin bought a _____ bowl.
 A. blue ancient lovely small
 B. lovely blue small ancient
 C. small blue ancient lovely
 D. lovely small ancient blue
13. They cook a _____ meal for their children.
 A. delicious big traditional Vietnamese
 B. Vietnamese delicious big traditional
 C. traditional delicious big Vietnamese
 D. big delicious traditional Vietnamese
14. They are trying to build a house.
 A. four-bedroom elegant modern Italian
 B. modern elegant four-bedroom Italian
 C. Italian elegant four-bedroom modern
 D. elegant four-bedroom modern Italian
15. His brother presented her a _____ clock.
 A. oval nice Japanese digital
 B. nice oval digital Japanese
 C. digital oval Japanese nice
 D. digital Japanese oval nice
16. The old man owns a _____ coffee table.
 A. French beautiful round old
 B. beautiful French old round
 C. old round beautiful French
 D. beautiful old round French
17. My father has a _____ box.
 A. old small black Turkish
 B. small old Turkish black
 C. small old black Turkish
 D. small Turkish old black
18. Jack's father bought him a(n) _____ bike as a birthday gift.
 A. blue Japanese expensive
 B. expensive Japanese blue
 C. Japanese expensive blue
 D. expensive blue Japanese
19. She is good at creating _____ paintings.
 A. interesting Vietnamese new square
 B. square Vietnamese new interesting
 C. Vietnamese interesting square new
 D. interesting square new Vietnamese
20. My mother would like to buy a _____ bag.
 A. big plastic blue Russian
 B. big Russian blue plastic
 C. big blue Russian plastic
 D. Russian plastic big blue

III. Đáp án và giải thích

Exercise 1:

STT	Đáp án	Giải thích chi tiết đáp án
1	nice new black wooden	Ta có trật tự tính từ OSASCOMP, ở đây theo trật tự: O - ý kiến quan điểm (nice - đẹp), A - tuổi tác (new - mới), C - màu sắc (black - đen), M - chất liệu (wooden - bằng gỗ).
2	memorable long	Ta có trật tự tính từ OSASCOMP, ở đây theo trật tự:
3	training	O - ý kiến (memorable - đáng nhớ), S - hình dáng (long - dài), P - mục đích (training - đào tạo).
4	small old white Korean	Ta có trật tự tính từ OSASCOMP, ở đây theo trật tự: S - kích cỡ (small - nhỏ), A - tuổi tác (old - cũ), C - màu sắc (white - trắng), O - nguồn gốc (Korean - Hàn Quốc).
5	crowded narrow new	Ta có trật tự tính từ OSASCOMP, ở đây theo trật tự: O - ý kiến quan điểm (crowded - đông đúc), S - kích cỡ (narrow - hẹp), A - tuổi tác (new - mới), P - mục đích (shopping - mua sắm).
6	pretty white silk	Ta có trật tự tính từ OSASCOMP, ở đây theo trật tự: O - ý kiến (pretty - xinh xắn), C - màu sắc (white - màu trắng), M - chất liệu (silk - lụa).
7	glassy big blue	Ta có trật tự tính từ OSASCOMP, ở đây theo trật tự: O - ý kiến quan điểm (glassy - trong vắt, đờ dãn), S - kích cỡ (big - to), C - màu sắc (blue - xanh).
8	nice big old blue	Ta có trật tự tính từ OSASCOMP, ở đây theo trật tự: O - ý kiến (nice - đẹp), S - kích thước (big to), A - tuổi tác (old - cũ), C - màu sắc (blue - màu xanh da trời).
9	magnificent spacious old two-storey	Ta có trật tự tính từ OSASCOMP, ở đây theo trật tự: O - ý kiến (magnificent - đẹp), S - kích thước (spacious - rộng rãi), A - tuổi tác (old - cũ), P - mục đích (two - storey - có hai tầng).
10	comfortable small black Chinese leather	Ta có trật tự tính từ OSASCOMP, ở đây theo trật tự: O - ý kiến (comfortable - thoải mái), S - kích thước (small - nhỏ), C - màu sắc (black - đen), O - nguồn gốc (Chinese - Trung Quốc), M - chất liệu (leather - bằng da).
11	successful old American	Ta có trật tự tính từ OSASCOMP, ở đây theo trật tự: O - ý kiến (successful - thành công), A - tuổi tác (old-cũ), O - nguồn gốc (American - nước Mỹ).
12	pretty oval white	Ta có trật tự tính từ OSASCOMP, ở đây theo trật tự: O - ý kiến (pretty - đẹp), S - hình dáng (oval - trái xoan), C - colour (white - màu trắng).
13	beautiful large round wooden	Ta có trật tự tính từ OSASCOMP, ở đây theo trật tự: O - ý kiến quan điểm (beautiful - đẹp), S - kích cỡ (large - rộng), S - hình dáng (round - tròn), chất liệu (wooden - bằng gỗ).
14	nice brown Channel leather	Ta có trật tự tính từ OSASCOMP, ở đây theo trật tự: O - ý kiến quan điểm (nice - đẹp), C - màu sắc (brown - màu nâu), O - nguồn gốc (channel), chất liệu (leather - bằng da).
15	beautiful long black	Ta có trật tự tính từ OSASCOMP, ở đây theo trật tự: O - ý kiến (beautiful - xinh đẹp), S - hình dáng (long - dài), C - màu sắc (black - đen).

16	interesting old Vietnamese oil	Ta có trật tự tính từ OSASCOMP, ở đây theo trật tự: O - ý kiến (interesting - thú vị), A - tuổi tác (old - đã cũ), O - nguồn gốc (Vietnamese - của Việt Nam), M - chất liệu (oil - bằng dầu).
17	lovely old German	Ta có trật tự tính từ OSASCOMP, ở đây theo trật tự: O - ý kiến (lovely - đẹp dễ, xinh), A - tuổi tác (old - đã cũ, O - nguồn gốc (German - của Đức).
18	kind tall middle - aged Japanese	Ta có trật tự tính từ OSASCOMP, ở đây theo trật tự: O - ý kiến quan điểm (kind - tốt bụng), S - kích thước (tall - cao), A - độ tuổi (middle aged - trung niên), O - nguồn gốc (Japanese - người Nhật Bản).
19	convenient small black plastic	Ta có trật tự tính từ OSASCOMP, ở đây theo trật tự: O - ý kiến quan điểm (convenient - thuận tiện), S - kích cỡ (small - nhỏ), C - (màu sắc black - đen), M - chất liệu (plastic - bằng nhựa).
20	collarless new white cotton	Ta có trật tự tính từ OSASCQMP, ở đây theo trật tự: S - hình dáng (collarless - không có cổ), A - tuổi tác (new - mới), C - màu sắc (white - màu trắng), M - chất liệu (cotton).

Exercise 2

STT	Đáp án	Giải thích chi tiết đáp án
1	A	Ta có trật tự tính từ OSASCOMP, ở đây theo trật tự: O - quan điểm (lovely - đáng yêu), S - kích thước (small - nhỏ), A - tuổi tác (young - trẻ), O - nguồn gốc (African - người châu Phi).
2	C	Ta có trật tự tính từ OSASCOMP, ở đây theo trật tự: O - quan điểm (beautiful - đẹp), S - kích thước (big- to), S - hình dáng (round - tròn), C - màu sắc (black - đen).
3	B	Ta có trật tự tính từ OSASCOMP, ở đây theo trật tự: O - quan điểm (bright - sáng), tươi, C - màu sắc (red - đỏ) - O - nguồn gốc (London).
4	A	Ta có trật tự tính từ OSASCOMP, ở đây theo trật tự: O - quan điểm (great - tuyệt vời), S - kích thước (big- to lớn), A - tuổi tác (ancient - cổ đại), O - nguồn gốc (Buddhist - đạo Phật).
5	C	Ta có trật tự tính từ OSASCOMP, ở đây theo trật tự: O - quan điểm (interesting - thú vị), A - tuổi tác (new - mới), C - màu sắc (white - màu trắng), O - nguồn gốc (computer generated - do máy tính tạo ra).
6	A	Ta có trật tự tính từ OSASCOMP, ở đây theo trật tự: O - quan điểm (intensive - chuyên sâu), A - tuổi tác (one - year một năm), O - nguồn gốc (English - tiếng Anh).
7	A	Ta có trật tự tính từ OSASCOMP, ở đây theo trật tự: O - quan điểm (pretty - đẹp), S - kích thước (small - nhỏ), C - màu sắc (red - đỏ), M- chất liệu (wooden -bằng gỗ).
8	B	Ta có trật tự tính từ OSASCOMP, ở đây theo trật tự: O - quan điểm (comfortable - thoải mái), S - kích thước (medium - vừa vặn), C - màu sắc (grey - màu xám), M - chất liệu (leather - bằng da).
9	C	Ta có trật tự tính từ OSASCOMP, ở đây theo trật tự: O - quan điểm (brilliant - thông minh), S - kích thước (tall – cao), A - tuổi tác (mature - trưởng thành).
10	B	Ta có trật tự tính từ OSASCOMP, ở đây theo trật tự: O - quan điểm (kind - tốt bụng), S - kích thước (short - thấp), A - tuổi tác (old – già), O - nguồn gốc (Spanish - Tây Ban Nha).
11	C	Ta có trật tự tính từ OSASCOMP, ở đây theo trật tự:

		O - quan điểm (nice - đẹp), A - tuổi tác (new - mới), M - chất liệu (wooden - bằng gỗ).
12	D	Ta có trật tự tính từ OSASCOMP, ở đây theo trật tự: O - quan điểm (lovely - đáng yêu), S - kích thước (small - nhỏ), A - tuổi tác (ancient - cổ đại), C - màu sắc (blue - màu xanh).
13	A	Ta có trật tự tính từ OSASCOMP, ở đây theo trật tự: O - quan điểm (delicious - ngon), S - kích thước (big - to lớn), A - tuổi tác (traditional - truyền thống, lâu đời), O - nguồn gốc (Vietnamese - người Việt Nam).
14	D	Ta có trật tự tính từ OSASCOMP, ở đây theo trật tự: O - quan điểm (elegant - thanh lịch, tao nhã), S - kích thước (four bedroom - có 4 phòng ngủ), A - tuổi tác (modern - hiện đại), O - nguồn gốc (Italian - Ý).
15	B	Ta có trật tự tính từ OSASCOMP, ở đây theo trật tự: O - quan điểm (nice - đẹp), S - kích thước (oval - hình bầu dục), O - nguồn gốc, M - chất liệu (digital - điện tử).
16	D	Ta có trật tự tính từ OSASCOMP, ở đây theo trật tự: O - quan điểm (beautiful - đẹp), S - hình dáng (round - tròn), A - tuổi tác (old - cũ), O - nguồn gốc (French - nước Pháp).
17	C	Ta có trật tự tính từ OSASCOMP, ở đây theo trật tự: S - kích thước (small - nhỏ), A - tuổi tác (old - cũ), C - màu sắc (black - màu đen), O - nguồn gốc (Turkish - Thổ Nhĩ Kỳ).
18	D	Ta có trật tự tính từ OSASCOMP, ở đây theo trật tự: O - quan điểm (expensive - đắt), C - màu sắc (blue - xanh), O - nguồn gốc (Japanese - Nhật).
19	D	Ta có trật tự tính từ OSASCOMP, ở đây theo trật tự: O - quan điểm (interesting - thú vị), S - kích thước (square - hình vuông), A - tuổi tác (new - mới), O - nguồn gốc (Vietnamese - Việt Nam).
20	C	Ta có trật tự tính từ OSASCOMP, ở đây theo trật tự: S - kích thước (big - to lớn), C - màu sắc (blue - màu xanh da trời), O - nguồn gốc (Russian - nước Nga), M - chất liệu (plastic - bằng nhựa).